

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 144/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19 – 7 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

2. Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Vân – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 578/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 479/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Cẩm L, sinh năm 1997

Trú tại: Ấp L A, xã B, huyện T, tỉnh C (có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1994

Trú tại: Ấp 1, xã V, thành phố C, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Phan Cẩm L trình bày:

Hôn nhân: Chị với anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 8 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh C vào ngày 28/9/2017. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh T nhiều lần đánh đập chị, cùng thời điểm tháng 5 năm 2018 chị với anh T không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn anh T.

Con chung: Có một con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2017 hiện sống cùng với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai đề ngày 04/7/2018 anh Lê Thanh T trình bày:

Hôn nhân: Anh T với chị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh C vào năm 2017, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do anh T có nghi ngờ chị L không chung thủy với anh. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh nên anh đồng ý.

Con chung: Anh T xác định không có, theo anh T con tên Đ, sinh ngày 27/8/2017 hiện sống cùng với chị L là con riêng của chị L.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Xét về hôn nhân, chị L với anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh C vào ngày 28/9/2017, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, chị L xác định trước khi đăng ký kết hôn, vào khoảng tháng 8 năm 2016 chị L với anh T đã chung sống với nhau như vợ chồng và có con chung, sau khi đăng ký kết hôn đến khoảng tháng 5 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T có nghi ngờ chị L không chung thủy, có thai trước khi kết hôn với anh, dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau, thậm chí anh T còn nhiều lần đánh đập chị L. Ngược lại tại bản tự khai anh T cũng xác định mâu thuẫn xuất phát từ việc anh có nghi ngờ chị L không chung thủy, đồng thời cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của chị L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L với anh T như đã nêu trên là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị L về việc được ly hôn anh T.

[3] Về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bé Lê Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2017 là trước ngày chị L với anh T đăng ký kết hôn, nhưng bé được sinh ra trong khoảng thời gian chị L với anh T chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2016. Mặc khác theo giấy khai sinh của bé Đ cũng có thể hiện họ tên cha là Lê Thanh T. Quá trình giải quyết vụ án chị L xác định bé Đ là con chung của chị L với anh T, ngược lại anh T cho rằng bé Đ là con riêng của chị L. Ngoài lời trình bày của mình thì anh T không yêu cầu giám định ADN để có căn cứ pháp lý xác định bé Đ là con riêng của chị L. Theo quy định tại Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng, căn cứ vào quy định trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bé Đ là con chung của chị L với anh T. Nếu sau này anh T có căn cứ xác định bé Đ là con riêng của chị L thì anh T được khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Hiện tại chị L là người đang trực tiếp nuôi dạy bé Đ, do đó Hội đồng xét xử giao bé Đ cho chị L tiếp tục nuôi dạy. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 88 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Cẩm L.

Về hôn nhân: Chị Phan Cẩm L được ly hôn anh Lê Thanh T.

Về con chung: Giao bé Lê Tiến Đ, sinh ngày 27/8/2017 cho chị L tiếp tục nuôi dạy. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

Anh T được quyền và có nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 26/6/2018 chị L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000967 nên được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

- Án xử sơ thẩm chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS tp.Cà Mau;
- UBND xã KBT Bắc, huyện T.V.T;
- TAND t.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Phạm Việt Trung